

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164 /2020/HSST

Ngày: 13/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Ái Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi.

2. Ông Đặng Thanh Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P – tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P– tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Quang, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B, Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 179/2020/HSST ngày 22 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

PHẠM NGỌC V, sinh năm: 1994, tại tỉnh B;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: khu phố 6, phường B, thị xã L, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động biển; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc H và bà Lê Thị A. Chưa có vợ, con.

Tiền sự : không;

Tiền án: Ngày 28/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại Bản án số 40/2016/HSST, chấp hành án tại Trại giam S– Bộ Công an, chấp hành xong hình phạt vào ngày 18/01/2020, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B áp dụng biện pháp “Đưa vào trường giáo dưỡng” trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 553/QĐ – UBND ngày 13/3/2013, chấp hành xong ngày 18/3/2015.

Bị cáo bị bắt từ ngày 09/6/2020 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Phan Thiết. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 08/6/2020, Phạm Ngọc V (sinh năm 1994, trú tại khu phố 6, phường B, thị xã L) gọi điện thoại di động cho đối tượng tên Lu Què (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thị xã L để hỏi mua số lượng khoảng 20 gam ma túy đá với giá 6.000.000 đồng, V nói đưa trước 5.000.000 đồng thiếu lại 1.000.000 đồng thì Lu Què đồng ý bán. Lu Què hẹn V đến khu vực cầu Cây Chanh thuộc xã B, thị xã L để giao nhận ma túy. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày V đến địa điểm nêu trên gặp và đưa cho Lu Què số tiền 5.000.000 đồng, Lu Què nhận tiền rồi giao cho V 01 gói ma túy đá đựng trong gói nylon có nhíp kéo một đầu. Sau khi mua được ma túy, V lấy 1 ít ra sử dụng rồi cho toàn bộ số ma túy đá còn lại vào trong một gói nylon khác, hàn kín lại và cho vào trong gói nylon có khóa nhíp kéo một đầu. Sáng ngày 09/6/2020, V lấy gói ma túy nêu trên dùng keo hai mặt dán vào trong ốp sườn bên phải của xe mô tô biển số 59S1 – 39089, sau đó V điều khiển xe mô tô đi đến thành phố Pchơi. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày khi V đang đứng trước khu vực siêu thị Coopmart, đường Nguyễn Tất T, thuộc khu phố 3, phường B, thành phố P thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) – Công an tỉnh B bắt quả tang và thu giữ các vật chứng liên quan. Tại cơ quan điều tra V khai nhận hành vi phạm tội của mình và khai mục đích tàng trữ ma túy là để sử dụng.

Vật chứng thu giữ gồm:

01 gói nylon không màu có nhíp kéo một đầu, kích thước khoảng (12 x 08) cm, bên ngoài gói nylon được dán dính bằng một đoạn keo hai mặt màu trắng, kích thước khoảng (08 x 05) cm; trong gói nylon có 01 gói nylon không màu, hàn kín, kích thước khoảng (08 x 06) cm chứa tinh thể màu trắng. Thu giữ trong ốp sườn xe bên phải của xe mô tô biển số 59S1 – 39089 do V điều khiển.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo, loại cảm ứng, màu xanh – đen, màn hình bị nứt, chứa 02 sim, 01 sim số 0981096700, sim còn lại không rõ số.

- 01 xe mô tô màu đen, có một kính chiếu hậu bên trái, không có bửng, biển số 59S1 – 39089, số khung RLCE55P10DY242895, số máy: 55P1 – 242902.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thanh B, địa chỉ 318/12 Nguyễn X, phường 13, quận B, thành phố H đăng ký cho xe mô tô biển số 59S1 – 39089.

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 1.500.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Ngọc V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại kết luận giám định số 614/KLGD-PC09 ngày 16/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an tỉnh B kết luận: Mẫu M gửi giám định có khối lượng 19,8406 gam, là Methamphetamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Ngọc V đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pngiữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề nghị áp dụng điểm g, o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc V với mức hình phạt từ 06 năm 06 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu tiêu hủy các mẫu vật còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 614, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bcòn lại sau giám định, là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, loại cảm ứng, màu xanh – đen, màn hình bị nứt, chứa 02 sim, 01 sim số 0981096700, sim còn lại không rõ số, thu giữ của bị cáo V là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo số tiền 1.500.000 đồng vì không liên quan đến tội phạm.

Đối với đối tượng tên “Lu Quê” đã bán ma túy cho V không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Ngọc V: Bị cáo biết hành vi tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật mong Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa sẽ học tập rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra Công an thành phố P và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 09/6/2020 trước khu vực siêu thị Coopmart, đường Nguyễn Tất T, thuộc khu phố 3, phường B, thành phố P bị cáo Phạm Ngọc V đã có hành vi tàng trữ trái phép 19,8406 gam; là Methamphetamine, nhằm mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang.

Xét thấy Phạm Ngọc V là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức đầy đủ về hành vi của mình đối với xã hội. Bị cáo nhận thức được những tác hại nguy hiểm của ma túy đối với sức khỏe con người, đối với cộng đồng xã hội và việc tàng trữ chất ma túy là trái pháp luật. Nhà nước nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc đối với mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng bị cáo đã xem thường pháp luật, đã tàng trữ ma túy bất chấp hậu quả. Bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng nên hành vi phạm tội lần này của V thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Do đó đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Ngọc V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g, o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện tính nguy hiểm cao cho xã hội. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và cũng là để giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, xét thấy tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo an tâm rèn luyện tu dưỡng sớm trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 gói nylon và 18,4168 gam mẫu vật còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 614, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành. Do vậy, cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, loại cảm ứng, màu xanh – đen, màn hình bị nứt, chứa 02 sim, 01 sim số 0981096700, sim còn lại không rõ số, thu giữ của bị cáo V, bị cáo khai sử dụng điện thoại này để liên lạc mua ma túy của đối tượng tên N về sử dụng. Do vậy, cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng, thu giữ của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, áp dụng khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự quyết định tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án phí, sau khi thi hành án phí số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

[5] Đối với nguồn gốc ma túy tàng trữ, bị cáo khai mua của đối tượng tên Lu Quê. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa xác định được nhân thân nên không có căn cứ để xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô màu đen, có một kính chiếu hậu bên trái, không có bửng, biển số 59S1 – 39089, số khung RLCE55P10DY242895, số máy: 55P1 – 242902 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Thanh B, địa chỉ 318/12 Nguyễn X, phường 13, quận B, thành phố H đăng ký cho xe mô tô biển số 59S1 – 39089 trên, quá trình điều tra V khai nhận do 01 đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) đến cầm thế cho V với giá 4.000.000 đồng nhưng chưa nhận lại xe nên V đã lấy sử dụng. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Pđang tiếp tục xác minh nguồn gốc xe nên tạm giữ để xử lý sau.

[6] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm g, o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc V phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc V 06 (Sáu) năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/6/2020.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 01 gói nylon và 18,4168 gam mẫu vật còn lại sau giám định, được niêm phong trong phong bì số 1224, có chữ ký của giám định viên Nguyễn Hồng T và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh B;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, loại cảm ứng, màu xanh – đen, màn hình bị nứt, chứa 02 sim, 01 sim số, sim còn lại không rõ số.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.500.000 đồng để đảm bảo thi hành án phí, sau khi thi hành xong án phí, số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

Các vật chứng ghi trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pquản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 09 ngày 20/10/2020 và giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.01054627 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ptại kho bạc nhà nước tỉnh Bình thuận.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, tuyên buộc bị cáo Phạm Ngọc V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/11/2020).

Nơi nhận

- VKSND thành phố P;
- VKSND tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- Công an thành phố P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hà Thị Ái Quyên